

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/DS-ST

Ngày: 29/4/2021.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Phùng Thành.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Tô Đình Trị.
2. Ông Nguyễn Đăng Thám.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Trúc Mai – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 69/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2020, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T.

*Địa chỉ trụ sở:* Quốc lộ 1A, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

*Đại diện theo ủy quyền có:* Ông Nguyễn Trần Minh Đ – Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện T, theo văn bản ủy quyền số: 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của ông Dương Quyết T – Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam. Giấy ủy quyền số: 04/GUQ-PGD ngày 02/01/2020 của ông Trịnh Minh K – Giám đốc NHCSXH huyện T.

- *Bị đơn:* Ông Phan N, sinh năm: 1968.

*Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm: 1969*

*Cùng trú tại: Tổ 11, Thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam;*

*(Ông Đ, ông N bà H đều có mặt).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn Ông Nguyễn Trần Minh Đ trình bày:

Vào ngày 21/11/2009 vợ chồng ông Phan N và bà Nguyễn Thị Mỹ H có vay vốn của Ngân hàng chính sách xã hội huyện T số tiền là: 43.000.000 đồng, tại khế ước vay vốn số 6000003300066842, thời hạn vay 5 năm nhưng được gia hạn thêm 06

năm. Ngày trả nợ là ngày 20/9/2021. Hình thức vay sinh viên thông qua hộ gia đình. Giải ngân theo từng kỳ cụ thể: Ngày 21/11/2009 số tiền là 4.300.000 đ; ngày 06/5/2010 số tiền là 4.300.000 đ; ngày 08/3/2011 số tiền là 8.600.000 đ; ngày 20/11/2011 số tiền là 8.600.000 đ; ngày 20/11/2012 số tiền là 8.600.000 đ; ngày 20/11/2013 số tiền là 8.600.000 đ. Lãi suất 02 năm đầu 0,17%/tháng, lãi suất của các năm tiếp thu là 0,5%/tháng, mức lãi suất quá hạn là 0,65%/tháng. Trong quá trình vay ông N và bà H có trả lãi đến ngày 31/01/2014 số tiền 4.120.000 đồng. Sau đó ông N và bà H không trả nợ lãi cho Ngân hàng từ ngày đó cho đến nay. Vợ, chồng ông N bà H đã vi phạm hợp đồng, không trả đúng lãi cho Ngân hàng. Mặc dù Ngân hàng đã phối hợp với Hội liên hiệp phụ nữ của UBND xã B đôn đốc vợ chồng ông N trả nợ nhưng vợ chồng ông N bà H vẫn không trả lãi. Vì vậy, tôi đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng CSXH huyện T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông N bà H phải trả số tiền nợ gốc là: 43.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 29/4/2021 là 23.706.827 đồng. Tiếp tục trả lãi theo hợp đồng kể từ ngày 30/4/2021 cho đến khi trả xong khoản nợ.

\* Bị đơn ông Phan N trình bày: Đúng là vợ chồng tôi có nợ Ngân hàng chính sách huyện T số tiền vay gốc là 43.000.000 đồng, mục đích là để nuôi con học đại học. Nhưng do con tôi khi vừa học xong Đại học thì bị tai nạn qua đời, vợ chồng chúng tôi suy sụp không làm ăn được nên không có điều kiện trả nợ. Nay chúng tôi còn nợ lại của ngân hàng số tiền 43.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh như ông Đ trình bày. Hiện nay gia đình tôi cũng không có điều kiện trả nợ nên tôi xin Ngân hàng miễn cho tôi toàn bộ số tiền lãi. Còn đối với số tiền nợ gốc thì khi nào có vợ chồng tôi sẽ trả cho Ngân hàng.

\* Bà Nguyễn Thị Mỹ H có ý kiến thống nhất như lời ông N chồng bà trình bày.

\* Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự đối với các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ cũng như diễn biến tại phiên Tòa thì thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng tín dụng, giữa Ngân hàng CSXH Việt Nam – Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện T và vợ chồng Ông Phan N, Bà Nguyễn Thị Mỹ H. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện. Vụ án có bị đơn có

hộ khẩu tại huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Vào ngày 21/11/2009 vợ chồng ông Phan N và bà Nguyễn Thị Mỹ H có vay vốn của Ngân hàng chính sách xã hội huyện T số tiền là: 43.000.000 đồng, tại khế ước vay vốn số 6000003300066842, thời hạn vay 5 năm nhưng được gia hạn thêm 06 năm. Ngày trả nợ là ngày 20/9/2021. Hình thức vay sinh viên thông qua hộ gia đình. Lãi suất 02 năm đầu 0,17%/tháng, lãi suất của các năm tiếp thu là 0,5%/tháng, mức lãi suất quá hạn là 0,65%/tháng. Trong quá trình vay ông N và bà H có trả lãi đến ngày 31/01/2014 số tiền 4.120.000 đồng. Sau đó ông N và bà H không trả nợ lãi cho Ngân hàng từ ngày đó cho đến nay. Vợ, chồng ông N bà H đã vi phạm hợp đồng, không trả đúng lãi cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng CSXH huyện T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông N bà H phải trả số tiền nợ gốc là: 43.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 29/4/2021 là 23.706.827 đồng. Tiếp tục trả lãi theo hợp đồng kể từ ngày 30/4/2021 cho đến khi trả xong khoản nợ.

[3] Xét nội dung tranh chấp và các căn cứ đã được thu thập có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xác định: Việc lập hợp đồng vay vốn giữa Ngân hàng CSXH Việt Nam – Phòng giao dịch huyện T với vợ chồng ông Phan N bà Nguyễn Thị Mỹ H là có thật và hợp pháp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông N bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện là đúng. Đối với yêu cầu của bị đơn ông Phan N và bà Nguyễn Thị Mỹ H xin khoản tiền lãi và nợ gốc khi nào có tiền sẽ trả. Theo yêu cầu của bị đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không thống nhất nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông Phan N và bà Nguyễn Thị Mỹ H phải trả cho Ngân hàng CSXH Việt Nam – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T tổng số tiền 66.706.827 đồng, trong đó nợ gốc là 43.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 29/4/2021 là 23.706.827 đồng. Tiếp tục trả lãi theo hợp đồng kể từ ngày 30/4/2021 cho đến khi trả xong khoản nợ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên vợ chồng ông Phan N và bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền: 3.335.000 đồng (Ba triệu ba trăm ba mươi lăm ngàn đồng).

Do Ngân hàng chính sách xã hội huyện T được miễn nộp tạm ứng án phí nên không xét.

[5] Các bên đương có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 146; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự.
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng CSXH Việt Nam Nam – Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện T, tỉnh Quảng Nam, về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với vợ chồng ông Phan N và bà Nguyễn Thị Mỹ H. Buộc vợ chồng ông Phan N và bà Nguyễn Thị Mỹ H phải thanh toán cho Ngân hàng CSXH Việt Nam Nam – Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện T, tỉnh Quảng Nam số tiền nợ gốc là 43.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 29/4/2021 là 23.706.827 đồng. Tổng cộng là 66.706.827 đồng (Sáu mươi sáu triệu bảy trăm linh sáu ngàn tám trăm hai mươi bảy đồng). Ông Phan N và bà Nguyễn Thị Mỹ H tiếp tục trả lãi theo hợp đồng kể từ ngày 30/4/2021 cho đến khi trả xong khoản nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan N và bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền: 3.335.000 đồng (Ba triệu ba trăm ba mươi lăm ngàn đồng).

3. Các bên đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND – VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA.DS huyện T;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký tên, đóng dấu)**

**Đặng Phùng Thành**